

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 250/2024/TLST-LĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc: “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp số: 130/2024/QĐST-LĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc lao động:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH T2; địa chỉ: Lô H, đường Đ, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Chuang Wen Y, sinh năm 1958; địa chỉ: Lô H, đường Đ, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1; chức vụ: chuyên viên Bảo hiểm xã hội thành phố D; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/10/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Theo Đơn yêu cầu đề ngày 18/9/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, ông Lê Văn T trình bày:

Ông bắt đầu đi làm, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01/2010 tại Công ty TNHH T3, địa chỉ: phường A, thành phố T, Bình Dương. Từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2011 ông làm công nhân tại Công ty TNHH A; địa chỉ: Khu công nghiệp Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vị trí việc làm là công nhân mài hàn, làm việc toàn thời gian, thỉnh thoảng tăng ca. Sau đó ông xin nghỉ việc, ở nhà, tới năm 2015 mới đi làm công nhân ở Công ty T4 và một số công ty khác, hiện đã nghỉ ở nhà.

Ông có người bạn tên Nguyễn Thành N, sinh năm 1994, thường trú: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Năm 2010 do N chưa đủ 18 tuổi, không thể đi xin việc được nên N hỏi mượn chứng minh nhân dân số 365695238 do Công an tỉnh S cấp cho ông để đi xin việc làm. Ông đồng ý cho N mượn chứng minh nhân dân và N đi xin việc ở Công ty TNHH T2, địa chỉ: Số B (lô H), đường ĐT743, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Từ tháng 9/2010 N ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 bằng tên ông, được công ty T2, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 09/2010 đến tháng 12/2011 thì xin nghỉ việc. Sau đó do N đã đủ tuổi lao động nên không tiếp tục sử dụng chứng minh nhân dân và thông tin cá nhân của ông để làm việc ở bất cứ doanh nghiệp nào khác.

Năm 2024 ông đi làm thủ tục tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thì được biết bị trùng bảo hiểm trong khoảng thời gian cho N mượn hồ sơ từ tháng 09/2010 đến tháng 02/2011. Ông cho N mượn giấy tờ để có công việc làm, có thu nhập, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác. Ông chỉ cho N mượn chứng minh để làm việc ở Công ty TNHH T2 thời gian từ tháng 09/2010 đến tháng 12/2011, ngoài ra không cho ai mượn thời gian nào khác.

Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét tuyên vô hiệu hợp đồng lao động đứng tên ông (do N ký) với Công ty TNHH T2. Mục đích: để khôi phục đúng thông tin làm việc thực tế, có căn cứ liên hệ cơ quan bảo hiểm giảm trừ thời gian trùng bảo hiểm cho ông.

Ông chưa hưởng chế độ bảo hiểm gì của khoảng thời gian N tham gia bảo hiểm tại Công ty TNHH T2. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do quan hệ lao động thực tế giữa N và Công ty TNHH T2 đã chấm dứt, đối với các chế độ bảo hiểm thì cơ quan có thẩm quyền sẽ giải quyết sau khi Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng theo quy định, không yêu cầu Tòa án xem xét. Ông không có yêu cầu gì về chế độ bảo hiểm đối với thời gian N tham gia bảo hiểm dưới tên ông.

Tại Bản tự khai đề ngày 10/10/2024 ông Nguyễn Thành N trình bày:

Ông là bạn cùng quê của ông Lê Văn T. Ông bắt đầu vào D và xin việc từ năm 2010. Lúc này do ông chưa đủ 18 tuổi không thể nộp hồ sơ xin việc được nên ông hỏi mượn chứng minh nhân dân của ông Lê Văn T để làm hồ sơ nộp

vào công ty, ông T đồng ý cho ông mượn chứng minh nhân dân số 365695238 do Công an tỉnh S cấp cho Lê Văn T. Sau khi mượn chứng minh và làm đầy đủ hồ sơ thì ông nộp hồ sơ xin việc ở Công ty TNHH T2 để xin việc làm, sau đó được Công ty gọi vào làm việc, ký hợp đồng lao động. Do đã lâu nên ông không nhớ rõ ngày tháng hợp đồng, cũng không giữ bản hợp đồng nào. Người trực tiếp ký hợp đồng với công ty T2 là ông chứ không phải ông Lê Văn T, tuy nhiên toàn bộ hồ sơ giấy tờ đứng tên ông T. Ông trực tiếp làm việc ở Công ty TNHH T2 với vị trí là công nhân hàn từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2011. Tới tháng 12/2011 ông xin nghỉ việc ở Công ty T2 và không nhận chế độ bảo hiểm gì. Ông không giữ sổ bảo hiểm trong thời gian làm việc ở đây. Sau đó ông đã đủ tuổi nên xin việc ở các công ty khác với tên ông, không sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của ông T để làm việc ở nơi nào khác. Mục đích ông mượn giấy tờ để có công việc làm, có thu nhập, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác.

Nay ông Lê Văn T yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Văn T và Công ty T2 vô hiệu do ông mới là người ký kết hợp đồng và làm việc trực tiếp ở Công ty T2 thì ông đồng ý do hoàn toàn đúng với thực tế. Đề nghị Toà án giải quyết cho ông Lê Văn T để ông Lê Văn T được giải quyết các chế độ bảo hiểm theo quy định. Ông không mong muốn được Công ty T2 ký lại hợp đồng, cũng không yêu cầu được nhận chế độ bảo hiểm trong thời gian này. Ông không yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Tại Bản tự khai ngày 11/10/2024, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D là ông Dương Văn T1 trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH T2 cho người lao động thì Công ty TNHH T2 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Lê Văn T, sinh năm 1988, số CCCD 094088011795 với mã số BHXH 7410260694 từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2011, chưa nhận trợ cấp BHXH. Ngoài ra ông Lê Văn T còn có mã số 7410231880 tham gia BHXH từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2011 tại Công ty TNHH A. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của ông Lê Văn T, BHXH thành phố D không lưu trữ những hồ sơ này.

Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông Lê Văn T, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết việc lao động đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 361, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán chủ tọa, Thư ký phiên họp đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Văn T, ông Nguyễn Thành N, BHXH thành phố D đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công ty TNHH T2 chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung việc lao động: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được đưa ra xem xét tại phiên họp, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc lao động là ông Lê Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành N, Bảo hiểm xã hội thành phố D vắng mặt tại phiên họp đồng thời có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T2 đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng ông Lê Văn T và ông Nguyễn Thành N khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2011, người lao động tên Lê Văn T, sinh năm 1988, số chứng minh nhân dân 365695238, số căn cước công dân 094088011795 được Công ty TNHH T2 tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số là 7410260694. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH T2 và ông Lê Văn T phát sinh từ hợp đồng lao động (không nhớ rõ ngày tháng). Tuy nhiên, ông Lê Văn T và ông Nguyễn Thành N thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 và thực tế làm việc tại Công ty TNHH T2 trong khoảng thời gian từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2011 theo hợp đồng lao động là ông Nguyễn Thành N chứ không phải ông Lê Văn T do ông N mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của ông T để đi làm việc. Đối với ông T trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH A. Mục đích mượn giấy tờ là để ông N có việc làm chứ không nhằm mục đích gì khác. Mặc dù quá trình tố tụng Công ty TNHH T2 không có ý kiến đối với yêu cầu của ông T, tuy nhiên xét thấy trình bày của ông T và ông N phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội thành phố D về việc ông Lê Văn T có thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2010 đến tháng 02/2011, cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T2 và Công ty TNHH A. Xét thấy việc ông N lấy tên ông T để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc ông Lê Văn T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giao kết giữa ông T (do ông N mượn tên) với Công ty TNHH T2 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng không có ý kiến phản đối. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tại phiên họp là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí giải quyết việc lao động: Ông Lê Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Văn T và Công ty TNHH T2 (thời gian làm việc từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2011) vô hiệu.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Lê Văn T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001611 ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người yêu cầu giải quyết việc lao động, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Mỹ Thanh